

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2018/HNGĐ-ST

Ngày 25/12/2018

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG, TỈNH BẮC GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hải Lý

2. Bà Nguyễn Thị Tin

Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 25/12/2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 199/2018/TLST-HNGĐ ngày 22/8/2018 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/12/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phí Thị L, sinh năm 1985; nơi ĐKKH: Thôn L, xã T, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang; nơi ở: Thôn T, xã T, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (Có mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Phí Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn S vào ngày 11/4/2006; trước khi cưới vợ chồng được tự do tìm hiểu thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân L, huyện Yên Dũng. Cưới xong vợ chồng về chung sống với nhau ngay tại thôn L, xã T, huyện Yên Dũng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, đến tháng 8/2010 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn anh S và gia đình nhà chồng bắt chị đi xuất khẩu lao động tại Đảo Síp để kiếm tiền trang trải kinh tế trong gia đình mặc dù bản thân chị không hề muốn đi vì cả hai con vẫn còn quá nhỏ. Chị đã giảng giải và khuyên bảo nhưng anh S không nghe mà kiên quyết bắt ép chị đi, thậm chí còn đe dọa và đánh chị. Do vậy tháng 8/2010 chị đi xuất khẩu lao động tại Đảo Síp đến tháng 4/2018 thì chị về nước. Sau khi chị về nước chị và anh S vẫn sống cùng nhau nhưng vợ chồng vẫn luôn xảy ra cãi nhau, anh S thường xuyên đánh đập, chửi bới và đe dọa giết chị vì nghi ngờ tình cảm của chị, vu khống chị một cách vô lý. Chị và gia đình đã khuyên bảo nhưng anh S vẫn không nghe và tiếp tục có hành vi chửi bới và đánh chị rất đau khiến chị phải đi nhập viện để điều trị. Chị xác định không thể tiếp tục chung sống với anh S được nữa nên chị đã về gia đình mẹ đẻ ở kể từ tháng 6/2018 đến nay, vợ chồng sống ly thân nhau và chấm dứt mọi quan hệ từ đó. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị được ly hôn với anh Nguyễn Văn S.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thị D, sinh ngày 07/02/2007 và Nguyễn Thị Q, sinh ngày 21/7/2009. Hiện con D đang ở với anh S, con Q đang ở với chị. Vợ chồng ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung vì chị có đủ điều kiện và khả năng để nuôi dạy các con được tốt.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu anh Nguyễn Văn S đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có vướng mắc gì, do vậy chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn S trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận lời khai của chị L về thời gian, điều kiện kết hôn là đúng. Mâu thuẫn phát sinh từ khoảng tháng 5/2018. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên anh cho chị L đi xuất khẩu lao động tại Đảo Síp để phát triển kinh tế trong gia đình, từ đó vợ chồng xa

nhau nên tình cảm nhạt dần. Sau khi chị L về nước thì vợ chồng vẫn chung sống đoàn tụ cùng nhau nhưng thực tế vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, chị L đã bỏ về nhà đẻ ở từ tháng 6/2018 cho đến nay. Nay chị Phí Thị L xin ly hôn anh không đồng ý, anh xác định tình cảm của anh với chị L vẫn còn, anh có mong muốn vợ chồng về chung sống đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái. Tuy nhiên, nếu chị L nhất quyết xin ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thị D, sinh ngày 07/02/2007 và Nguyễn Thị Q, sinh ngày 21/7/2009. Hiện nay cả hai con đang ở với anh. Nếu vợ chồng ly hôn, anh đề nghị được nuôi cả hai con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh S yêu cầu cô L phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản, ruộng định suất: Vợ chồng không có tài sản chung, không có vướng mắc gì về ruộng canh tác do vậy không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về công nợ: Anh S khai vợ chồng anh có vay của chị gái anh là Nguyễn Thị H nhiều lần với tổng số tiền là 217.300.000 đồng (hai trăm mười bảy triệu ba trăm ngàn đồng). Mục đích vay để trả nợ Ngân hàng tiền vay cho cô L đi xuất khẩu lao động; tiền nuôi con ăn học cũng như tiền chữa bệnh suốt tám năm cô L đi xuất khẩu lao động. Vay của chú T 8.000.000 đồng (tám triệu đồng) và vay của anh Nguyễn Đình B 47.800.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu tám trăm nghìn đồng). Nay vợ chồng ly hôn, anh yêu cầu cô Phí Thị L phải có trách nhiệm cùng anh trả các khoản nợ này.

Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng do anh S vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Anh S giữ nguyên các ý kiến như đã trình bày ở trên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự cũng đã thực hiện đầy đủ các quyền và

nghĩa vụ theo quy định nên đại diện VKSND huyện Yên Dũng không có kiến nghị gì.

+ Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 51, 56, 58 và Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 147, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phí Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn S.

Về con chung: Giao cho chị Phí Thị L trực tiếp nuôi con Nguyễn Thị Q, sinh ngày 21/7/2009. Giao cho anh Nguyễn Văn S trực tiếp nuôi con Nguyễn Thị D, sinh ngày 07/02/2007.

Về cấp dưỡng nuôi: Không đặt ra giải quyết.

Về tài sản và ruộng định xuất: Không giải quyết.

Về công nợ: Do anh Nguyễn Văn S đưa ra yêu cầu giải quyết công nợ sau khi Tòa án đã mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần hai. Bên cạnh đó, anh S cố tình trốn tránh và không hợp tác trong quá trình giải quyết vụ án nên căn cứ vào khoản 3 Điều 200 và khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu của anh S, anh S có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

Ngoài ra, còn đề nghị xử lý về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tổ tụng: Chị Phí Thị L và anh Nguyễn Văn S đều cư trú tại xã T, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phí Thị L và anh Nguyễn Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện có được tìm hiểu, thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Yên Dũng nên đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật thừa nhận. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với nhau ngay. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. Sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do xuất phát từ hoàn cảnh kinh tế khó khăn, chị L phải đi xuất khẩu lao động tại Đảo Síp để phát triển kinh tế cũng như trang trải cho cuộc sống trong gia đình. Tháng 8/2010 chị L đi xuất khẩu lao động tại Đảo Síp và đến tháng 4/2018 thì chị về nước. Sau khi chị L về nước chị và anh S vẫn sống cùng nhau nhưng vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn, anh S thường xuyên đánh đập, chửi bới chị L. Đến nay, chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị được ly hôn, về phía anh S cũng không có tác động gì để vợ chồng đoàn tụ. Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa chị L và anh S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần xử cho chị L được ly hôn với anh S là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị L và anh S có hai con chung là Nguyễn Thị D, sinh ngày 07/02/2007 và Nguyễn Thị Q, sinh ngày 21/7/2009. Hiện nay cả hai con chung đang ở với anh S. Vợ chồng ly hôn, chị L đề nghị được nuôi cả hai con chung, anh S đề nghị được nuôi cả hai con chung. HĐXX nhận thấy: Chị L và anh S đều có nguyện vọng được nuôi con chung là phù hợp với đạo đức, phù hợp với pháp luật. Thực tế bản thân cháu D có nguyện vọng được ở với anh S, cháu Q có nguyện vọng được ở với chị L. Do vậy, xét nguyện vọng của các cháu là phù hợp nên cần giao con chung Nguyễn Thị D, sinh ngày 07/02/2007 cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Nguyễn Thị Q, sinh ngày 21/7/2009 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Sau ly hôn, chị L và

anh S được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh, chị thực hiện quyền này là phù hợp với các điều 58, 81 luật hôn nhân gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L và anh S mỗi người nuôi một con chung nên về cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết.

[5] Về tài sản chung, ruộng định xuất: Hai bên xác định không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải, quyết.

[6] Về công nợ: Anh Nguyễn Văn S có yêu cầu chị L phải có trách nhiệm trả nợ cùng anh số tiền anh đã vay của chị Nguyễn Thị H là 217.300.000 đồng, vay của chú T 8.000.000 đồng và vay của anh Nguyễn Đình B số tiền 47.800.000 đồng. HĐXX nhận thấy: anh S đưa ra yêu cầu giải quyết về công nợ sau khi Tòa án đã ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần hai và Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ lần hai. Bên cạnh đó, trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh S cố tình trốn tránh và không hợp tác làm việc với Tòa án để giải quyết vụ án, anh S cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu của mình, nên HĐXX xét thấy căn cứ theo khoản 3 Điều 200 của Bộ luật tố tụng dân sự không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của anh S, anh S có quyền khởi kiện bằng vụ án khác về việc chia tài sản sau khi ly hôn.

[7] Về án phí: Chị L phải chịu án ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phí Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn S.

2. Về con chung: Giao cho chị Phí Thị L trực tiếp nuôi con Nguyễn Thị Q, sinh ngày 21/7/2009. Giao cho anh Nguyễn Văn S trực tiếp nuôi con Nguyễn Thị D, sinh ngày 07/02/2007.

Về cấp dưỡng nuôi: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Chị L và anh S có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở chị L và anh S thực hiện quyền này. Tuy nhiên, người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi dưỡng.

Vì lợi ích của con chung, Tòa án có thể thụ lý giải quyết vụ án thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc vụ án yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nếu sau này các đương sự có đơn yêu cầu và theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Phí Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2016/0002589 ngày 20/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Dũng. Xác nhận chị L đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Dũng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- UBND xã T, huyện Yên Dũng;
- Lưu HS, Vp.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Ngọc Oanh

